

YUDO®

Integrated Engineering Solution



TINA MC Technical Date

TINA MC Multi Cavity

TINA-MC系统采用铜套式加热器，铜具备热传递快、受热均匀等特点，因此可以保证热阻一直处于恒温状态

铜加热器导线设计于B板反面，更换、保养时不需拆卸模板

流道设计与模流分析结合，多腔注塑时，出胶量平衡，稳定达到 $\pm 1\%$

针阀式、开放式多种规格型号，根据塑胶材料特性、重量为客户提供最优质方案

Copper type heater will deliver superior thermal balance.

Easy heater replace without disassemble mold.

Specialized channel design for multi cavity system.

Compact size nozzle & superb flow balance are suitable for multi cavity system.



加热器、感温线铜套式于一体

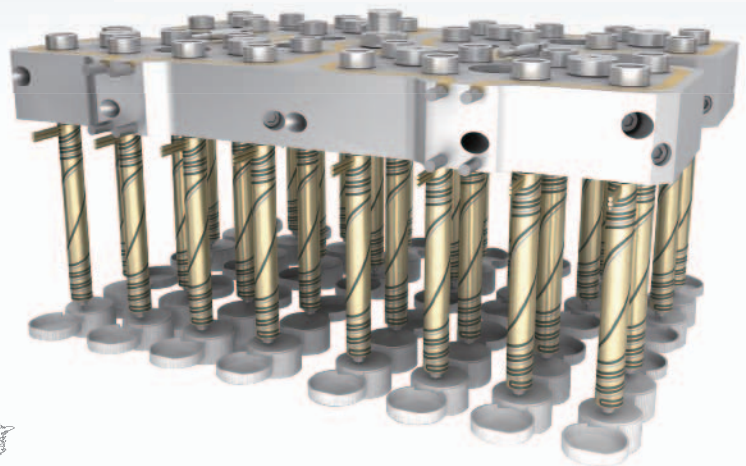
喷嘴可以设计最小化，满足小产品模具应用

开放式、针阀式多种喷嘴类型选择使用

H/T & T/C all in one type copper heater

Compact size nozzles

Open & valve, various spec.

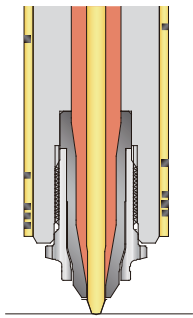


柳道万和（苏州）热流道系统有限公司
YUDO(SUZHOU) HOT RUNNER SYSTEMS CO.,LTD.
TEL:(86)512-6504-8882 FAX:(86)512-6504-6886
E-mail:suzhou@yudosuzhou.com

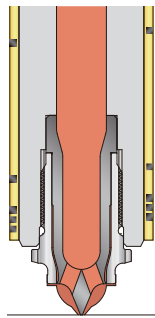
东莞柳道贸易有限公司
YUDO TRADING CO.,LTD.
TEL:(86)769-8539-4466 FAX:(86)769-8539-4455
E-mail:info@yudo.com.cn

青岛柳道贸易有限公司
YUDO QINGDAO TRADING CO.,LTD.
TEL:(86)532-8765-1698 FAX:(86)532-8765-1632
E-mail:qingdao@yudoqingdao.com

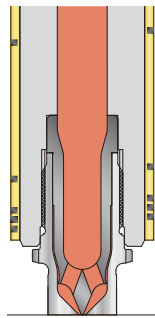
Parameter



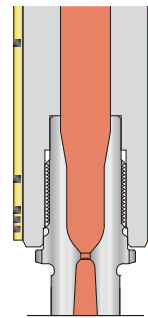
MC VV



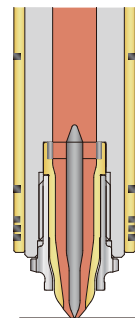
MC CC



MC TAC



MC TOE



MC CT

Unit:mm

System Size		Runner	Valve pin	Length	Injection Volume
TINA MC 05	Open	05	--	65-155	10g
	Valve	05	3	65-155	
TINA MC 06	Open	06	--	75-185	30g
	Valve	06	3	75-185	
TINA MC 08	Open	08	--	85-205	50g
	Valve	08	4	85-205	
TINA MC 10	Open	10	--	85-225	150g
	Valve	10	4	85-225	

Applications



Cosmetics cap



Cosmetics container



Cosmetics cap



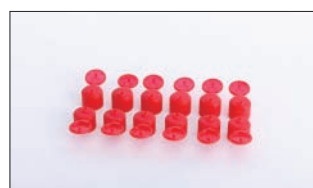
Cosmetics container



Cosmetics cap



Cosmetics cap

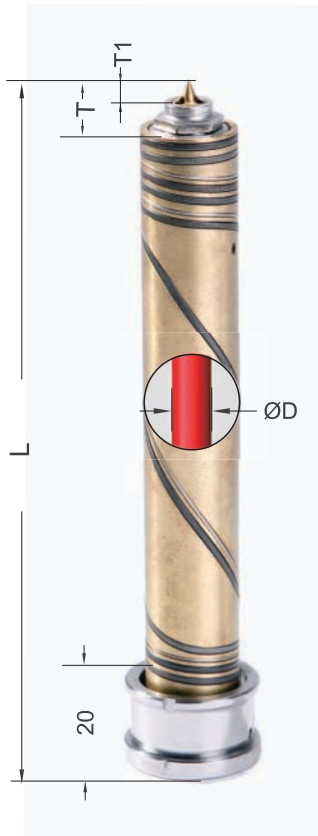


Cosmetics cap



Cosmetics container

TINA MC



	TINA 05	TINA 06	TINA 08	TINA 10
T	8.5	9	11	14
T1	3.5	4	5	7

- "L" is standard length which cannot be changed at will.
- "L"为标准长度不可以随意调整。

Actual Length of Nozzle (BL) = L - T - ΔL
 $\Delta L = (L - T - 20) \times 1.2 \times e^{-5}$
 ×(Injection Temp. - Mold Temp.)

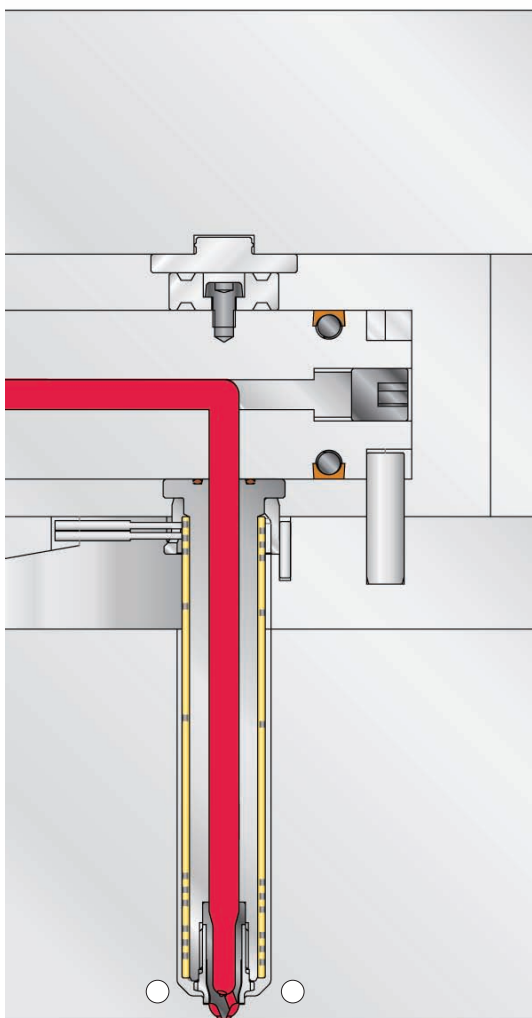
ex) TINA 10 - CC - 185
 Injection Temp. = 250°C, Mold Temp. = 50°C
 $\Delta L = (185 - 20 - 14) \times 1.2 \times e^{-5} \times (250 - 50) = 0.28$
 Actual Length of Nozzle (BL)
 = 185 - 22.9 - 0.28 = 156.82

Unit:mm

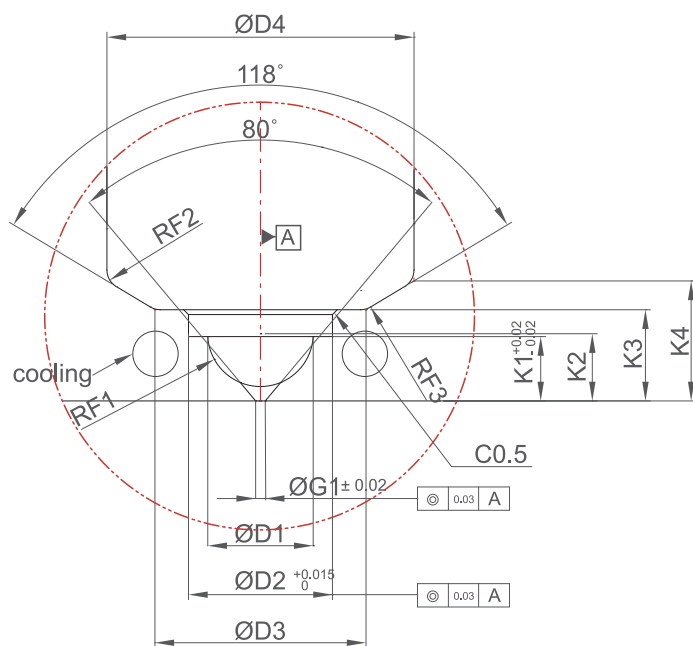
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 05 CC-65	05	65	HTCU05160450
TIM MC 05 CC-75		75	HTCU05160550
TIM MC 05 CC-85		85	HTCU05160650
TIM MC 05 CC-95		95	HTCU05160750
TIM MC 05 CC-105		105	HTCU05160850
TIM MC 05 CC-115		115	HTCU05160950
TIM MC 05 CC-125		125	HTCU05161050
TIM MC 05 CC-135		135	HTCU05161150
TIM MC 05 CC-145		145	HTCU05161250
TIM MC 05 CC-155		155	HTCU05161350
TIM MC 05 CC-165		165	HTCU05161450
TIM MC 05 CC-175		175	HTCU05161550
TIM MC 05 CC-185		185	HTCU05161650
TIM MC 05 CC-195		195	HTCU05161750
TIM MC 05 CC-205		205	HTCU05161850
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 06 CC-65	06	65	HTCU06190450
TIM MC 06 CC-75		75	HTCU06190550
TIM MC 06 CC-85		85	HTCU06190650
TIM MC 06 CC-95		95	HTCU06190750
TIM MC 06 CC-105		105	HTCU06190850
TIM MC 06 CC-115		115	HTCU06190950
TIM MC 06 CC-125		125	HTCU06191050
TIM MC 06 CC-135		135	HTCU06191150
TIM MC 06 CC-145		145	HTCU06191250
TIM MC 06 CC-155		155	HTCU06191350
TIM MC 06 CC-165		165	HTCU06191450
TIM MC 06 CC-175		175	HTCU06191550
TIM MC 06 CC-185		185	HTCU06191650
TIM MC 06 CC-195		195	HTCU06191750
TIM MC 06 CC-205		205	HTCU06191850
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 08 CC-105	08	105	HTCU08220830
TIM MC 08 CC-115		115	HTCU08220930
TIM MC 08 CC-125		125	HTCU08221030
TIM MC 08 CC-135		135	HTCU08221130
TIM MC 08 CC-145		145	HTCU08221230
TIM MC 08 CC-155		155	HTCU08221330
TIM MC 08 CC-165		165	HTCU08221430
TIM MC 08 CC-175		175	HTCU08221530
TIM MC 08 CC-185		185	HTCU08221630
TIM MC 08 CC-195		195	HTCU08221730
TIM MC 08 CC-205		205	HTCU08221830
TIM MC 08 CC-215		215	HTCU08221930
TIM MC 08 CC-225		225	HTCU08222030
TIM MC 08 CC-235		235	HTCU08222130
TIM MC 08 CC-245		245	HTCU08222230
TIM MC 08 CC-255	255	HTCU08222330	
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 10 CC-105	10	105	HTCU10290800
TIM MC 10 CC-115		115	HTCU10290900
TIM MC 10 CC-125		125	HTCU10291000
TIM MC 10 CC-135		135	HTCU10291100
TIM MC 10 CC-145		145	HTCU10291200
TIM MC 10 CC-155		155	HTCU10291300
TIM MC 10 CC-165		165	HTCU10291400
TIM MC 10 CC-175		175	HTCU10291500
TIM MC 10 CC-185		185	HTCU10291600
TIM MC 10 CC-195		195	HTCU10291700
TIM MC 10 CC-205		205	HTCU10291800
TIM MC 10 CC-215		215	HTCU10291900
TIM MC 10 CC-225		225	HTCU10292000
TIM MC 10 CC-235		235	HTCU10292100
TIM MC 10 CC-245		245	HTCU10292200
TIM MC 10 CC-255	255	HTCU10292300	

TINA MC

TINA MC CC



Gate Area Machining



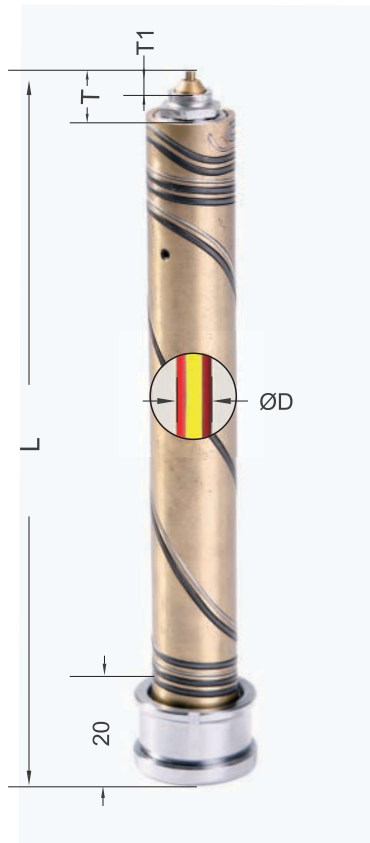
- Tina MC CC 喷嘴型号是根据流道内径来定。
- 模具加工带公差部分必须保证。
- 浇口周围冷却水路必须添加。
- Nozzle of TINA MC and CC type is determined by inner diameter of hot runner.
- Tolerance of mold process must be guaranteed.
- Cooling Hole must be remained on gate area.

TINA-MC CC TYPE SYSTEM

Unit:mm

NOZZLE TYPE	ØG1	ØD1	ØD2	ØD3	ØD4	K1	K2	K3	K4	RF1	RF2	RF3
05	0.8/1.0/1.2	5.5	7.5	13	20	3.2	2.9	5.5	9.0	2	2	1
06	1.0/1.2/1.5	6.5	8.5	16	23	3.7	3.7	6.0	9.5	3	2	2
08	0.8/1.0/1.5	7.98	11	18	25	4.7	5	7.0	10.5	4	2	2
10	1.0/1.5/2.0	10.98	15	22	32	6.7	7	9.5	12.5	5.5	2	2

TINA MC



	TINA 05	TINA 06	TINA 08	TINA 10
T	8.8	9	11	14
T1	1.8	2.3	2.7	4

- "L" is standard length which cannot be changed at will.
- "L" 为标准长度不可以随意调整。

Actual Length of Nozzle (BL) = L - T - ΔL
 $\Delta L = (L - T - 20) \times 1.2 \times e^{-5}$
 x(Injection Temp. - Mold Temp.)

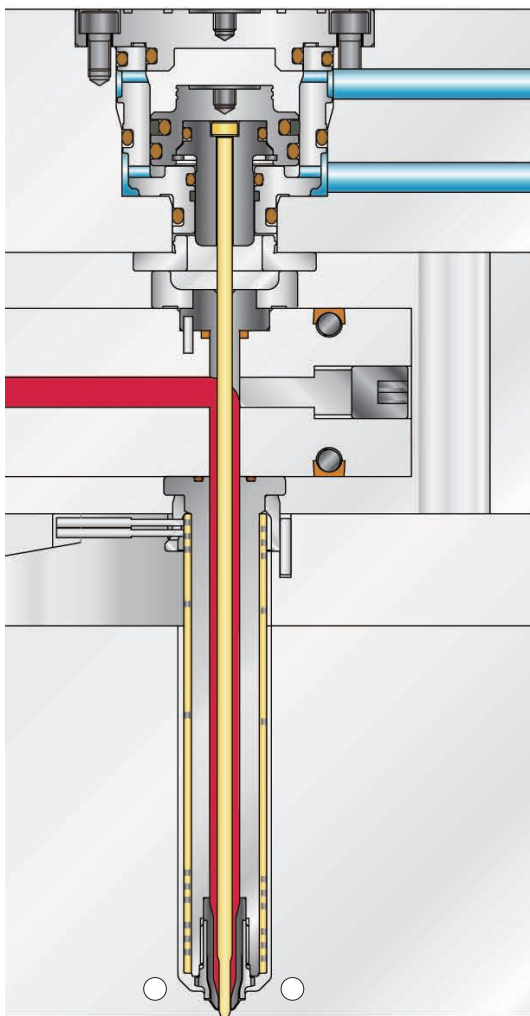
ex) TINA 10 - VV - 185
 Injection Temp. = 250°C, Mold Temp. = 50°C
 $\Delta L = (185 - 20 - 14) \times 1.2 \times e^{-5} \times (250 - 50) = 0.28$
 Actual Length of Nozzle (BL)
 = 185 - 22.9 - 0.28 = 156.82

Unit:mm

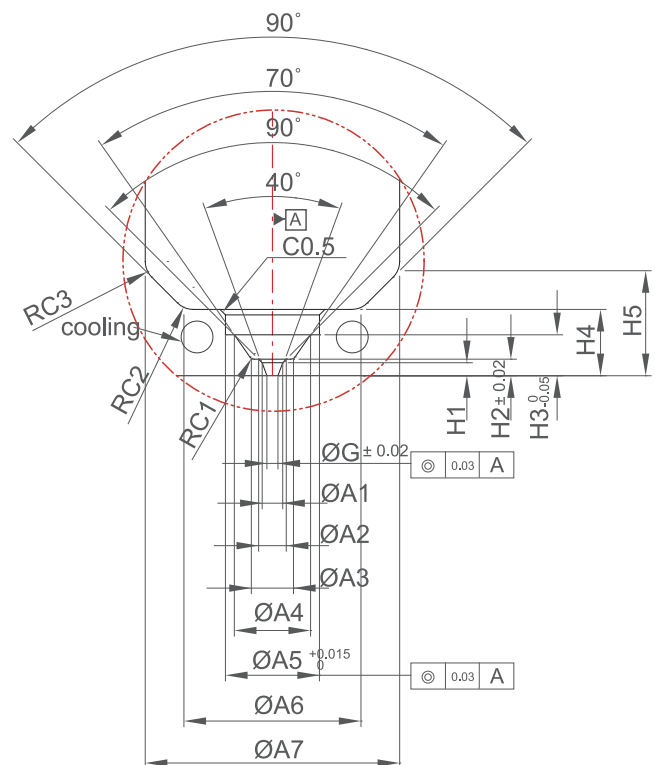
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 05 VV-65	05	65	HTCU05160450
TIM MC 05 VV-75		75	HTCU05160550
TIM MC 05 VV-85		85	HTCU05160650
TIM MC 05 VV-95		95	HTCU05160750
TIM MC 05 VV-105		105	HTCU05160850
TIM MC 05 VV-115		115	HTCU05160950
TIM MC 05 VV-125		125	HTCU05161050
TIM MC 05 VV-135		135	HTCU05161150
TIM MC 05 VV-145		145	HTCU05161250
TIM MC 05 VV-155		155	HTCU05161350
TIM MC 05 VV-165		165	HTCU05161450
TIM MC 05 VV-175		175	HTCU05161550
TIM MC 05 VV-185		185	HTCU05161650
TIM MC 05 VV-195		195	HTCU05161750
TIM MC 05 VV-205		205	HTCU05161850
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 06 VV-65	06	65	HTCU06190450
TIM MC 06 VV-75		75	HTCU06190550
TIM MC 06 VV-85		85	HTCU06190650
TIM MC 06 VV-95		95	HTCU06190750
TIM MC 06 VV-105		105	HTCU06190850
TIM MC 06 VV-115		115	HTCU06190950
TIM MC 06 VV-125		125	HTCU06191050
TIM MC 06 VV-135		135	HTCU06191150
TIM MC 06 VV-145		145	HTCU06191250
TIM MC 06 VV-155		155	HTCU06191350
TIM MC 06 VV-165		165	HTCU06191450
TIM MC 06 VV-175		175	HTCU06191550
TIM MC 06 VV-185		185	HTCU06191650
TIM MC 06 VV-195		195	HTCU06191750
TIM MC 06 VV-205		205	HTCU06191850
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 08 VV-105	08	105	HTCU08220830
TIM MC 08 VV-115		115	HTCU08220930
TIM MC 08 VV-125		125	HTCU08221030
TIM MC 08 VV-135		135	HTCU08221130
TIM MC 08 VV-145		145	HTCU08221230
TIM MC 08 VV-155		155	HTCU08221330
TIM MC 08 VV-165		165	HTCU08221430
TIM MC 08 VV-175		175	HTCU08221530
TIM MC 08 VV-185		185	HTCU08221630
TIM MC 08 VV-195		195	HTCU08221730
TIM MC 08 VV-205		205	HTCU08221830
TIM MC 08 VV-215		215	HTCU08221930
TIM MC 08 VV-225		225	HTCU08222030
TIM MC 08 VV-235		235	HTCU08222130
TIM MC 08 VV-245		245	HTCU08222230
TIM MC 08 VV-255	255	HTCU08222330	
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 10 VV-105	10	105	HTCU10290800
TIM MC 10 VV-115		115	HTCU10290900
TIM MC 10 VV-125		125	HTCU10291000
TIM MC 10 VV-135		135	HTCU10291100
TIM MC 10 VV-145		145	HTCU10291200
TIM MC 10 VV-155		155	HTCU10291300
TIM MC 10 VV-165		165	HTCU10291400
TIM MC 10 VV-175		175	HTCU10291500
TIM MC 10 VV-185		185	HTCU10291600
TIM MC 10 VV-195		195	HTCU10291700
TIM MC 10 VV-205		205	HTCU10291800
TIM MC 10 VV-215		215	HTCU10291900
TIM MC 10 VV-225		225	HTCU10292000
TIM MC 10 VV-235		235	HTCU10292100
TIM MC 10 VV-245		245	HTCU10292200
TIM MC 10 VV-255	255	HTCU10292300	

TINA MC

TINA MC VV



Gate Area Machining



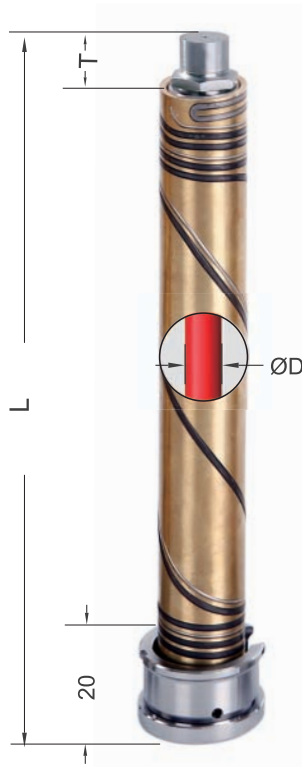
- Tina MC VV 喷嘴型号是根据流道内径来定。
- 模具加工带公差部分必须保证。
- 浇口周围冷却水路必须添加。
- Nozzle of TINA MC and VV type is determined by inner diameter of hot runner.
- Tolerance of mold process must be guaranteed.
- Cooling Hole must be remained on gate area.

TINA-MC VV TYPE SYSTEM

Unit:mm

NOZZLE TYPE	ØG	ØA1	ØA2	ØA3	ØA4	ØA5	ØA6	ØA7	H1	H2	H3	H4	H5	RC1	RC2	RC3
05	1.0/1.2	1.92/2.23	2.4	3.2	5.58	7.5	12.99	20	1.26/1.42	1.5	3.2	5.5	9	0.5	1	2
06	1.0/1.2/1.5	1.86/2.17/2.59	2.5	3.81	6.89	8.5	16	23	1.18/1.34/1.5	1.5	3.7	6	9.5	10.5	2	2
08	1.2/1.5/2.0	2.23/2.7/3.4	3.4	4.8	8.58	11	18	25	1.42/1.65/2.0	1.5	4.7	7	10.5	1	2	2
10	1.5/2.0/2.5	2.7/3.49/4.27	4.4	4.7	12.88	15	22	32	1.65/2.04/2.44	1.5	6.7	9.5	12.5	1	2	2

TINA MC



	TINA 05	TINA 06	TINA 08	TINA 10
T	8.5	9	11	14

- "L" is standard length which cannot be changed at will.
- "L"为标准长度不可以随意调整。

Actual Length of Nozzle (BL) = L - T - ΔL
 $\Delta L = (L - T - 20) \times 1.2 \times 10^{-5} \times (\text{Injection Temp.} - \text{Mold Temp.})$

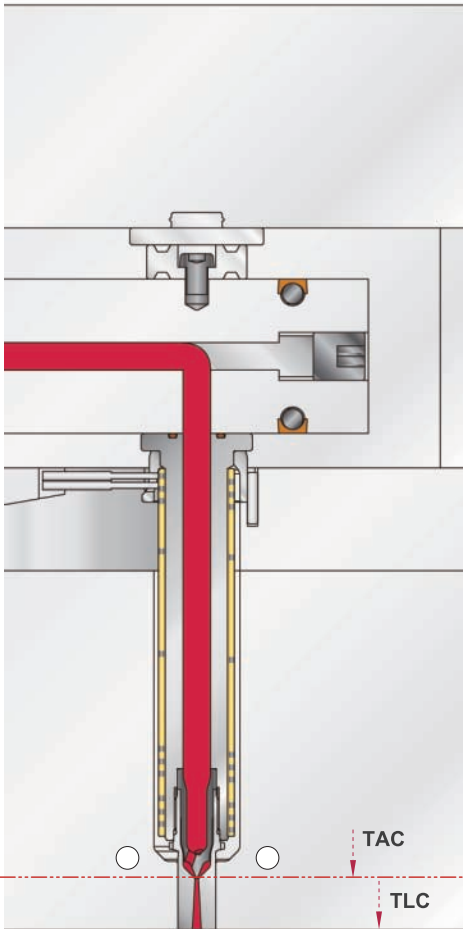
ex) TINA 10-TAC-185
 InjectionTemp.= 250°C, Mold Temp. = 50°C
 $\Delta L = (185 - 20 - 14) \times 1.2 \times 10^{-5} \times (250 - 50) = 0.28$
 Actual Length of Nozzle (BL)
 = 185 - 22.9 - 0.28 = 156.82

Unit:mm

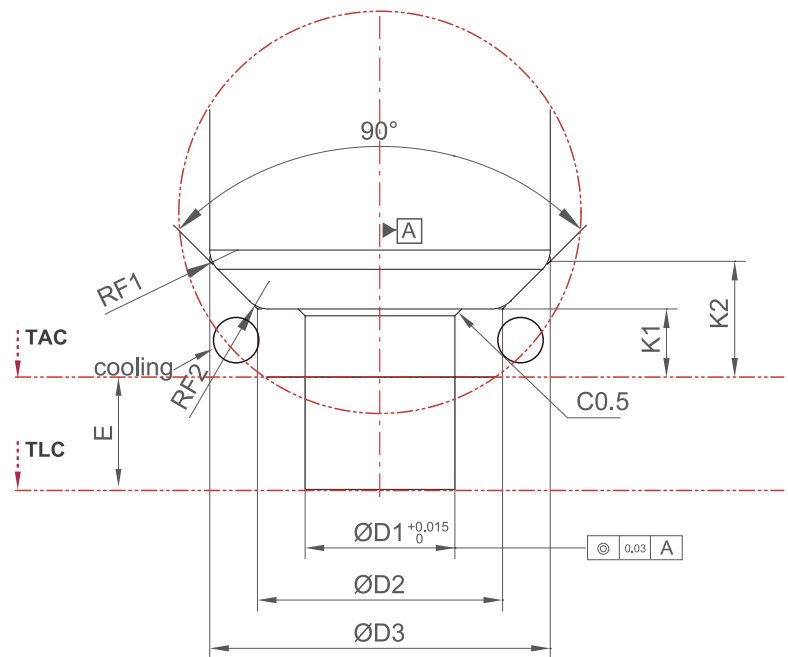
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 05 TAC-65	05	65	HTCU05160450
TIM MC 05 TAC-75		75	HTCU05160550
TIM MC 05 TAC-85		85	HTCU05160650
TIM MC 05 TAC-95		95	HTCU05160750
TIM MC 05 TAC-105		105	HTCU05160850
TIM MC 05 TAC-115		115	HTCU05160950
TIM MC 05 TAC-125		125	HTCU05161050
TIM MC 05 TAC-135		135	HTCU05161150
TIM MC 05 TAC-145		145	HTCU05161250
TIM MC 05 TAC-155		155	HTCU05161350
TIM MC 05 TAC-165		165	HTCU05161450
TIM MC 05 TAC-175		175	HTCU05161550
TIM MC 05 TAC-185		185	HTCU05161650
TIM MC 05 TAC-195		195	HTCU05161750
TIM MC 05 TAC-205	205	HTCU05161850	
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 06 TAC-65	06	65	HTCU06190450
TIM MC 06 TAC-75		75	HTCU06190550
TIM MC 06 TAC-85		85	HTCU06190650
TIM MC 06 TAC-95		95	HTCU06190750
TIM MC 06 TAC-105		105	HTCU06190850
TIM MC 06 TAC-115		115	HTCU06190950
TIM MC 06 TAC-125		125	HTCU06191050
TIM MC 06 TAC-135		135	HTCU06191150
TIM MC 06 TAC-145		145	HTCU06191250
TIM MC 06 TAC-155		155	HTCU06191350
TIM MC 06 TAC-165		165	HTCU06191450
TIM MC 06 TAC-175		175	HTCU06191550
TIM MC 06 TAC-185		185	HTCU06191650
TIM MC 06 TAC-195		195	HTCU06191750
TIM MC 06 TAC-205	205	HTCU06191850	
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 08 TAC-105	08	105	HTCU08220830
TIM MC 08 TAC-115		115	HTCU08220930
TIM MC 08 TAC-125		125	HTCU08221030
TIM MC 08 TAC-135		135	HTCU08221130
TIM MC 08 TAC-145		145	HTCU08221230
TIM MC 08 TAC-155		155	HTCU08221330
TIM MC 08 TAC-165		165	HTCU08221430
TIM MC 08 TAC-175		175	HTCU08221530
TIM MC 08 TAC-185		185	HTCU08221630
TIM MC 08 TAC-195		195	HTCU08221730
TIM MC 08 TAC-205		205	HTCU08221830
TIM MC 08 TAC-215		215	HTCU08221930
TIM MC 08 TAC-225		225	HTCU08222030
TIM MC 08 TAC-235		235	HTCU08222130
TIM MC 08 TAC-245	245	HTCU08222230	
TIM MC 08 TAC-255	255	HTCU08222330	
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 10 TAC-105	10	105	HTCU10290800
TIM MC 10 TAC-115		115	HTCU10290900
TIM MC 10 TAC-125		125	HTCU10291000
TIM MC 10 TAC-135		135	HTCU10291100
TIM MC 10 TAC-145		145	HTCU10291200
TIM MC 10 TAC-155		155	HTCU10291300
TIM MC 10 TAC-165		165	HTCU10291400
TIM MC 10 TAC-175		175	HTCU10291500
TIM MC 10 TAC-185		185	HTCU10291600
TIM MC 10 TAC-195		195	HTCU10291700
TIM MC 10 TAC-205		205	HTCU10291800
TIM MC 10 TAC-215		215	HTCU10291900
TIM MC 10 TAC-225		225	HTCU10292000
TIM MC 10 TAC-235		235	HTCU10292100
TIM MC 10 TAC-245	245	HTCU10292200	
TIM MC 10 TAC-255	255	HTCU10292300	

TINA MC

TINA MC TAC/TLC



Gate Area Machining



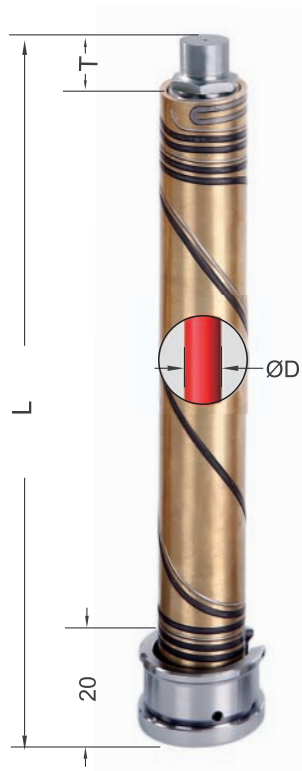
- Tina MC TAC/TLC 喷嘴型号是根据流道内径来定。
- 模具加工带公差部分必须保证。
- 浇口周围冷却水路必须添加。
- “E” 部分尺寸由客户选择预留加工。
- Nozzle of TINA MC and TAC/TLC type is determined by inner diameter of hot runner.
- Tolerance of mold process must be guaranteed.
- Cooling Hole must be remained on gate area.
- "E" size in the drawing is maintained for customer choice.

TINA-MC TAC/TLC TYPE SYSTEM

Unit:mm

NOZZLE TYPE	ØD1	ØD2	ØD3	K1	K2	RF1	RF2	E
05	7.5	13	20	3.5	7.0	2.0	1.0	10
06	8.5	16	23	4.0	7.5	2.0	2.0	10
08	11	18	25	5.0	8.5	2.0	2.0	15
10	15	22	32	6.0	11	2.0	2.0	15

TINA MC



	TINA 05	TINA 06	TINA 08	TINA 10
T	8.5	9	11	14

- "L" is standard length which cannot be changed at will.
- "L" 为标准长度不可以随意调整。

Actual Length of Nozzle (BL) = L - T - ΔL
 $\Delta L = (L - T - 20) \times 1.2 \times e^{-5}$
 $\times (\text{Injection Temp.} - \text{Mold Temp.})$

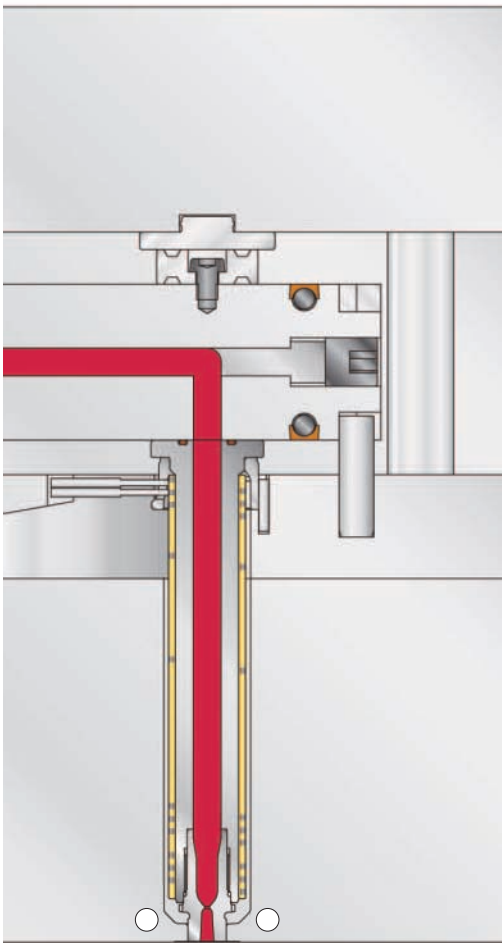
ex) TINA 10-TOE-185
 Injection Temp. = 250°C, Mold Temp. = 50°C
 $\Delta L = (185 - 20 - 14) \times 1.2 \times e^{-5} \times (250 - 50) = 0.28$
 Actual Length of Nozzle (BL)
 $= 185 - 22.9 - 0.28 = 156.82$

Unit:mm

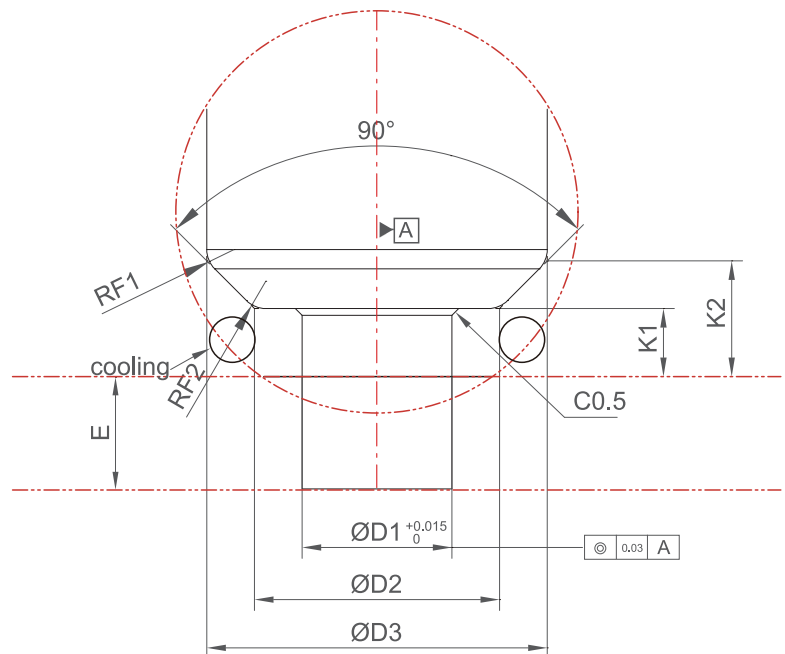
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 05 TOE-65	05	65	HTCU05160450
TIM MC 05 TOE-75		75	HTCU05160550
TIM MC 05 TOE-85		85	HTCU05160650
TIM MC 05 TOE-95		95	HTCU05160750
TIM MC 05 TOE-105		105	HTCU05160850
TIM MC 05 TOE-115		115	HTCU05160950
TIM MC 05 TOE-125		125	HTCU05161050
TIM MC 05 TOE-135		135	HTCU05161150
TIM MC 05 TOE-145		145	HTCU05161250
TIM MC 05 TOE-155		155	HTCU05161350
TIM MC 05 TOE-165		165	HTCU05161450
TIM MC 05 TOE-175		175	HTCU05161550
TIM MC 05 TOE-185		185	HTCU05161650
TIM MC 05 TOE-195		195	HTCU05161750
TIM MC 05 TOE-205	205	HTCU05161850	
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 06 TOE-65	06	65	HTCU06190450
TIM MC 06 TOE-75		75	HTCU06190550
TIM MC 06 TOE-85		85	HTCU06190650
TIM MC 06 TOE-95		95	HTCU06190750
TIM MC 06 TOE-105		105	HTCU06190850
TIM MC 06 TOE-115		115	HTCU06190950
TIM MC 06 TOE-125		125	HTCU06191050
TIM MC 06 TOE-135		135	HTCU06191150
TIM MC 06 TOE-145		145	HTCU06191250
TIM MC 06 TOE-155		155	HTCU06191350
TIM MC 06 TOE-165		165	HTCU06191450
TIM MC 06 TOE-175		175	HTCU06191550
TIM MC 06 TOE-185		185	HTCU06191650
TIM MC 06 TOE-195		195	HTCU06191750
TIM MC 06 TOE-205	205	HTCU06191850	
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 08 TOE-105	08	105	HTCU08220830
TIM MC 08 TOE-115		115	HTCU08220930
TIM MC 08 TOE-125		125	HTCU08221030
TIM MC 08 TOE-135		135	HTCU08221130
TIM MC 08 TOE-145		145	HTCU08221230
TIM MC 08 TOE-155		155	HTCU08221330
TIM MC 08 TOE-165		165	HTCU08221430
TIM MC 08 TOE-175		175	HTCU08221530
TIM MC 08 TOE-185		185	HTCU08221630
TIM MC 08 TOE-195		195	HTCU08221730
TIM MC 08 TOE-205		205	HTCU08221830
TIM MC 08 TOE-215		215	HTCU08221930
TIM MC 08 TOE-225		225	HTCU08222030
TIM MC 08 TOE-235		235	HTCU08222130
TIM MC 08 TOE-245	245	HTCU08222230	
TIM MC 08 TOE-255	255	HTCU08222330	
TYPE	ØD	L	Heater
TIM MC 10 TOE-105	10	105	HTCU10290800
TIM MC 10 TOE-115		115	HTCU10290900
TIM MC 10 TOE-125		125	HTCU10291000
TIM MC 10 TOE-135		135	HTCU10291100
TIM MC 10 TOE-145		145	HTCU10291200
TIM MC 10 TOE-155		155	HTCU10291300
TIM MC 10 TOE-165		165	HTCU10291400
TIM MC 10 TOE-175		175	HTCU10291500
TIM MC 10 TOE-185		185	HTCU10291600
TIM MC 10 TOE-195		195	HTCU10291700
TIM MC 10 TOE-205		205	HTCU10291800
TIM MC 10 TOE-215		215	HTCU10291900
TIM MC 10 TOE-225		225	HTCU10292000
TIM MC 10 TOE-235		235	HTCU10292100
TIM MC 10 TOE-245	245	HTCU10292200	
TIM MC 10 TOE-255	255	HTCU10292300	

TINA MC

TINA MC TOE



Gate Area Machining



- Tina MC TOE 喷嘴型号是根据流道内径来定。
- 模具加工带公差部分必须保证。
- 浇口周围冷却水路必须添加。
- “E” 部分尺寸由客户选择预留加工。

- Nozzle of TINA MC and TOE type is determined by inner diameter of hot runner.
- Tolerance of mold process must be guaranteed.
- Cooling Hole must be remained on gate area.
- "E" size in the drawing is maintained for customer choice.

TINA-MC TOE TYPE SYSTEM

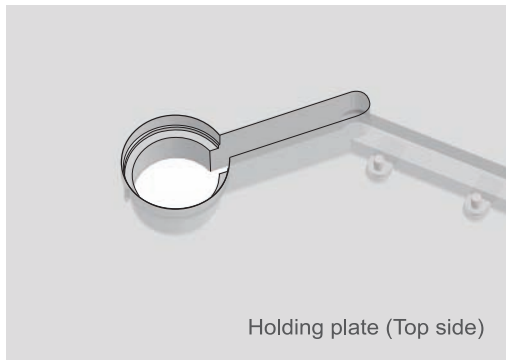
Unit:mm

NOZZLE TYPE	ØD1	ØD2	ØD3	K1	K2	RF1	RF2	E
05	7.5	13	20	3.5	7.0	2.0	1.0	10
06	8.5	16	23	4.0	7.5	2.0	2.0	10
08	11	18	25	5.0	8.5	2.0	2.0	15
10	15	22	32	6.0	11	2.0	2.0	15

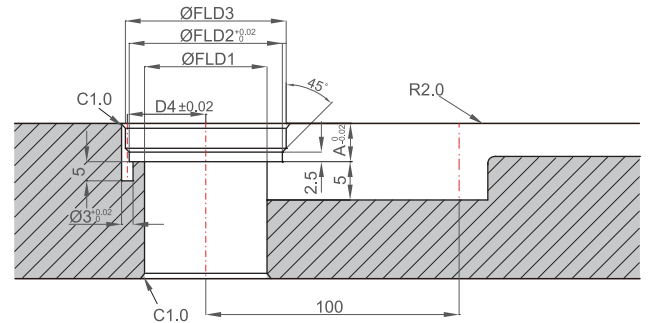
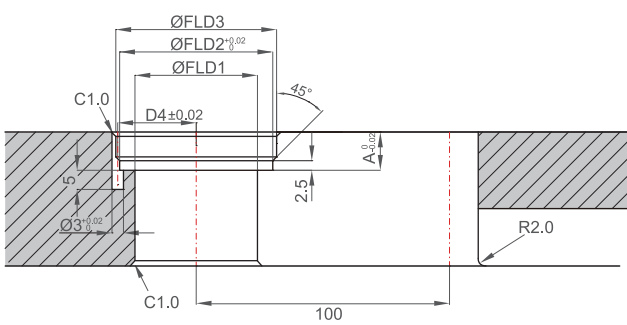
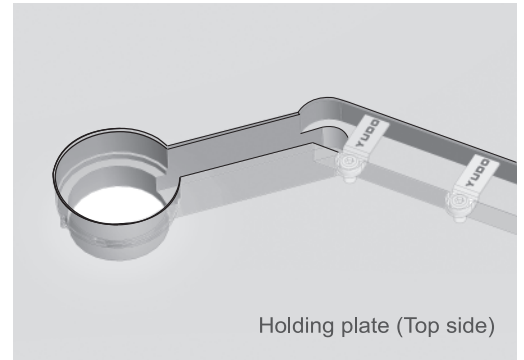
TINA MC

Flange area machining

A type



B type



Unit : mm

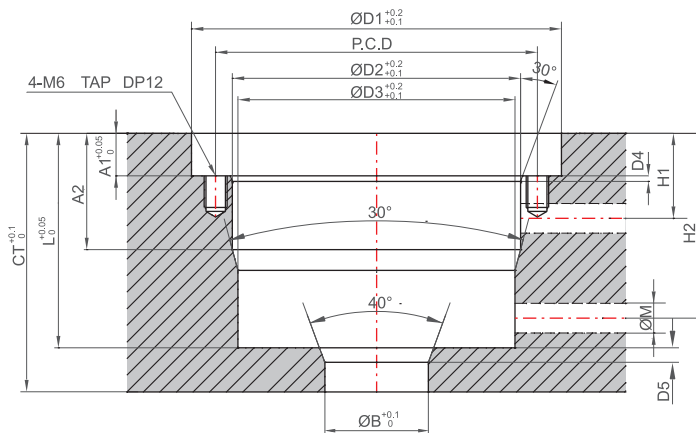
Nozzle model	FLD1	FLD2	FLD3	D4	A
TINA-MC- 05	20	27	29	14	根据设计样式选择使用 Application depends on design and style.
TINA-MC- 06	23	30	32	15.5	
TINA-MC- 08	25	32	34	16.5	
TINA-MC- 10	32	40	42	20.5	

- YUDO给客户供应MODU系统时通常采用“A”结构，这样便于维护、更换加热器、感温线。
- 但是供应热流道系统时，根据客户的实际情况选择“A”型或者“B”型。
- YUDO usually offers MODU system of "A" structure to customer, which makes it easy to maintain and change heater or thermocouple pin.
- But when offering hot runner systems, "A" or "B" type is chosen depended on the customer's practical situation.

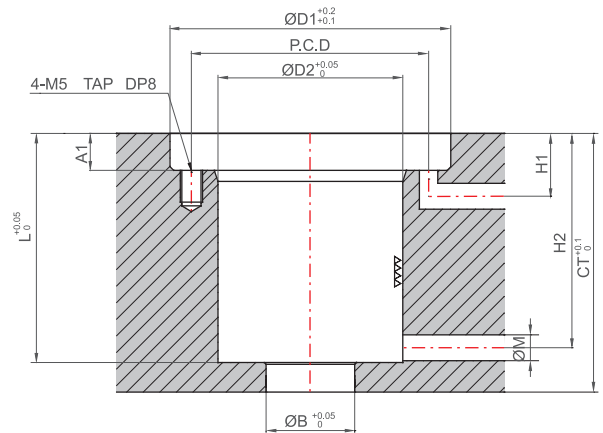
TINA MC

Cylinder are machining

VC



VCM



VC

Unit : mm

Cylinder model	A1	A2	B	D1	D2	D3	D4	D5	PCD	H1	H2	M	L	CT
VC58	10	26.5	28	80	58	55	1	2.5	67	20	42	6	50	60
VC68	11.5	29.5	28	90	68	65	1.5	2.7	77	22.5	47	6	55	65
VC78	11.5	31.5	28	100	78	75	1.5	4	87	23	50	8	58	70

VCM

Unit : mm

Cylinder model	A	B	D1	D2	H1	H2	M	L	CT
VCM29.5	6.5	24	55.5	29.5	13.5	38	7	42	50
VCM35	6.5	24	61	35	13.5	38	7	42	50
	10	24	61	35	17	48	7	52	60
VCM40	6.5	24	66	40	13.5	38	7	42	50
	10	24	66	40	17	48	7	52	60
	10	24	66	40	17	53	7	57	65
	10	24	66	40	17	58	7	62	70
VCM50	6.5	24	76	50	13.5	38	7	42	50
	10	24	76	50	17	53	7	57	65
	10	24	76	50	17	58	7	62	70